

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀ THÀNH  
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH. VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST

Ngày 23/7/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH. VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT  
TỈNH TN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Tấn Nhàn.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Đỗ Thành Ngọc.**

2- Ông **Đinh Khắc Quỳnh.**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:* Ông **Hồ Chí Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn Gi.**, sinh năm 1989, tại tỉnh TN; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T. Lâm, xã T. Hà, huyện T. Châu, tỉnh TN; Nơi cư trú hiện nay: Khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Lê Văn L. và bà Trần Hà Th.; Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H. và 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Tạm giữ ngày 23/3/2020, tạm giam ngày 01/4/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Trọng Ngh.**, sinh năm 1992, tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Ấp Cây Trắc, xã Phước Đông, huyện GD, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Con ông Lê Long Hồ và Võ Thị Huệ; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền sự: Không có.

- Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 09/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh TN đã xử phạt bị cáo Lê Trọng Ngh. 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 13/9/2018.

- Tạm giữ ngày 23/3/2020, tạm giam ngày 01/4/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Út E.**, sinh năm 1982, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Nguyễn Văn Trắng (chết) và bà Mang Thị Mới; Có vợ là Lê Minh Hiếu và 01 con.

\* Về nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/HSST ngày 06/3/1999 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN đã xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của 3 công dân”, đã được xóa án tích do tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/HSST ngày 02/4/2003 của Tòa án nhân dân huyện T. Châu, tỉnh TN xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành án xong ngày 31/12/2003, đã được xóa án tích.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2012/HSST ngày 17/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 26/12/2012, đã được xóa án tích.

- Tiền sự: Không có.

- Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2016/HSST ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN đã áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 138; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 09/01/2019.

- Tạm giữ ngày 23/3/2020, tạm giam ngày 01/4/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Họ và tên: **Danh L.**, sinh năm 1993, tại tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Hòa Thạnh, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú hiện nay: Khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Thợ bạc; Trình độ văn hóa: 02/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không có; Con ông Danh Lá và bà Trần Thị Hà; Có vợ là Nguyễn Thị Kim Qui và 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Tạm giữ ngày 23/3/2020, trả tự do ngày 29/3/2020.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

5. Họ và tên: **Trần Công Th.**, sinh năm 1985, tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Con ông Trần Bảo Quốc và bà Đặng Thị Lượm; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền sự, tiền án: Không có.

- Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

6. Họ và tên: **Phạm Minh T.**, sinh năm 1983, tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Phạm Văn Vui (chết) và bà Nguyễn Thị Bá; Có vợ là Hồ Thị Thu Hà và 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

7. Họ và tên: **Mai Phước C.**, sinh năm 1966, tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Mai Thông Hết (Chết) và bà Nguyễn Thị On (chết); Có vợ là Trần Thị Minh và 02 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.
- Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

8. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn K. (Tên gọi khác: Cu Li)**, sinh năm 1987, tại tỉnh TN; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố Long Đại, phường Long Thành Bắc, thị xã HT, tỉnh TN; Nơi cư trú hiện nay: Ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Con ông Nguyễn Văn Sạn (chết) và bà Ngô Thị Bé; Có vợ là Ngô Thị Dội và 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.
- Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

9. Họ và tên: **Huỳnh Thanh T.**, sinh năm 1980, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố 3, phường 1, quận T. B., Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: Ấp Long T., xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 11/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông Huỳnh Hồ và bà Phan Thị Gái (chết); Có vợ là Nguyễn Thị Hải và 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.
- Tạm giữ ngày 23/3/2020, tạm giam ngày 01/4/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

10. Họ và tên: **Trần Tiết B. (tên gọi khác: Mọi)**, sinh năm 1979, tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 01/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Hà Tiết Giao (chết) và bà Trần Thị Hẹn (chết); Có vợ là Nguyễn Thị Huỳnh Nga và 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có.
- Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 40 phút ngày 22/3/2020, Lê Văn Gi. mang theo 4.200.000 đồng đến khu đất trống thuộc khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, thuê Lê Trọng Ngh. canh đường, canh giới L. lượng chức năng để làm cái đánh bạc dưới hình thức lắc bầu cua thắng thua bằng tiền. Khi đến, Gi. sử dụng các dụng cụ lắc bầu cua có sẵn để làm cái. Theo quy ước khi tham gia đánh bạc, người chơi đặt tiền vào những ô hình trên mảnh giấy trải trên nền đất, Gi. dùng 03 hột xí ngầu (bằng xốp dán giấy) hình lập phương, trên mỗi mặt có in một hình bầu hoặc cua, tôm, cá, nai, gà bỏ vào thùng nhựa úp trên đĩa bằng kim loại để lắc. Khi mở nắp trên các hột xí ngầu có hình nào nằm lên mặt trên thì người đặt tiền ở ô có hình đó thắng và ngược lại. Cứ mỗi hình trùng khớp sẽ thắng được bằng một lần số tiền đặt cược, nếu thua thì sẽ thua toàn bộ số tiền đặt cược. Mỗi người chơi đặt tiền ít nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng cho mỗi ô hình và thắng thua trực tiếp với Gi.. Số tiền đánh bạc được xác định như sau:

- Lê Trọng Ngh. giúp Gi. canh đường, canh giới và nhận tiền công do Gi. trả được 130.000 đồng.

- Danh L. mang theo 6.000.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc;
- Nguyễn Ngọc Út E. mang theo 1.830.000 đồng, sử dụng 830.000 đồng để đánh bạc;
- Nguyễn Tuấn K. mang theo 6.300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc;
- Trần Công Th. mang theo 750.000 đồng để đánh bạc;
- Phạm Minh T. mang theo 700.000 đồng để đánh bạc;
- Mai Phước C. mang theo 400.000 đồng để đánh bạc;
- Huỳnh Thanh T. mang theo 140.000 đồng để đánh bạc;
- Trần Tiết B. mang theo 100.000 đồng để đánh bạc;

Ngoài ra còn có các đối tượng tên Tuấn Lang, Bảo, Khánh, Đức, Hào cùng tham gia đánh bạc nhưng cơ quan điều tra chưa làm việc được.

Sòng bạc hoạt động đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị L. lượng Công an thị xã HT bắt quả tang và thu giữ trên người các đối tượng 21.305.000 đồng, thu tại hiện trường 18 hột giấy in hình bầu, tôm, cua, cá, nai, gà, 05 tờ giấy hình chữ nhật, 01 đĩa băng kim loại, 01 thùng nhựa hình trụ, 09 điện thoại, 04 xe mô tô các loại. Tổng số tiền đánh bạc được xác định là: 8.620.000 đồng.

\* Kê biên tài sản: Ngày 18/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã HT kê biên quyền sử dụng đất diện tích 159,5 m<sup>2</sup>, thửa đất số 392, tờ bản đồ số 10 tại khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN của Mai Phước C.. Các bị can còn lại không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

\* Đối với người tên Tuấn Lang, Bảo, Khánh, Đức, Hào, hiện chưa xác định được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSHT ngày 04/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN đã truy tố các bị cáo Lê Văn Gi., Lê Trọng Ngh., Danh L., Nguyễn Ngọc Út E., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Gi., Lê Trọng Ngh., Danh L., Nguyễn Ngọc Út E., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Văn Gi.** từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.
- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:
  - + Xử phạt các bị cáo **Lê Trọng Ngh.** từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.
  - + Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Út E.** từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Danh L.** từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo **Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B.** mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Hủy Lệnh kê biên tài sản đối với bị cáo Mai Phước C..

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Riêng chiếc điện thoại di động của bị cáo Ngh. đưa cho bị cáo Gi. rọi đèn để đánh bạc là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Lê Văn Gi., Lê Trọng Ngh., Danh L., Nguyễn Ngọc Út E., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin mức án nhẹ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thị xã HT, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được, cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22/3/2020, tại khu đất trống thuộc khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN, Lê Văn Gi. thuê Lê Trọng Ngh. 130.000 đồng để canh đường cho Gi. làm cái lắc bầu cua thắng thua bằng tiền cho Huỳnh Thanh T., Nguyễn Ngọc Út E., Danh L., Nguyễn Tuấn K., Trần Tiết B., Phạm Minh T., Mai Phước C., Trần Công Th. tham gia đặt cược. Tổng số tiền dùng đánh bạc được xác định là 8.620.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn Gi., Lê Trọng Ngh., Danh L., Nguyễn Ngọc Út E., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và lời luận tội là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng. Các bị cáo biết rõ đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào thắng thua bằng tiền đều bị Nhà nước nghiêm cấm, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, nhưng do hám lợi, bất chấp pháp luật các bị cáo đánh bạc với số tiền 8.620.000 đồng nên xử lý hình sự các bị cáo là đúng pháp luật.

Bị cáo Gi. đE. theo 4.200.000 đồng làm cái để các bị cáo khác đặt cược, bị cáo thuê bị cáo Ngh. canh đường; bị cáo Ngh. có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nay bị cáo giữ nhiệm vụ canh đường để bị cáo Gi. cho 130.000 đồng và bị cáo E. có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhân thân xấu nay bị cáo đE. theo 1.830.000 đồng, sử dụng 830.000 đồng để đánh bạc, cho nên lần phạm tội này của hai bị cáo Ngh., E. thuộc trường hợp tái phạm nên cần xử nghiêm 03 bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Danh L. đE. theo 6.000.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đặt cược nên bị cáo có mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo Th. đE. theo 750.000 đồng và bị cáo T. đE. theo 700.000 đồng để đặt cược nên hai bị cáo có mức án ngang nhau.

Bị cáo C. đE. theo 400.000 đồng để đặt cược, bị cáo K. đE. theo 6.300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đặt cược nên các bị cáo có mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo T. đE. theo 140.000 đồng, bị cáo B. đE. theo 100.000 đồng để đặt cược nên các bị cáo có mức án ngang nhau.

Tình tiết giảm nhẹ: Trừ các bị cáo Ngh., E., các bị cáo còn lại phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo L. có ông ngoại là liệt sĩ được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Ngh., E. phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52.

Các bị cáo Danh L., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà xử phạt các bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ cũng bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng: Số tiền thu giữ trên người các bị cáo là 21.305.000 đồng, thu trong cốp xe mô tô của bị cáo Th. số tiền 5.800.000 đồng, tổng cộng thu giữ 27.105.000 đồng.

Trong đó: Số tiền các bị cáo không sử dụng đánh bạc tổng cộng 17.600.000 đồng, gồm: Bị cáo L. 4.800.000 đồng, bị cáo K. 6.000.000 đồng, bị cáo Th. 5.800.000 đồng, bị cáo E. 1.000.000 đồng nên cần trả lại cho các bị cáo. Số tiền còn lại 9.505.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Các xe mô tô, điện thoại di động bị thu giữ không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo. Riêng xe mô tô biển số 70K3-4883 không xác định được chủ sở hữu nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tại phiên tòa, các bị cáo Gi., Ngh. khai nhận 01 điện thoại di động bị thu giữ là của bị cáo Ngh. đưa cho bị cáo Gi. rọi đèn để các bị cáo đánh bạc, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Các vật chứng thu giữ tại chiếu bạc sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo L. bị tạm giữ 06 ngày từ ngày 23/3/2020 đến ngày 29/3/2020; cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo T. bị tạm giữ, tạm giam 04 tháng từ ngày 23/3/2020 đến ngày 23/7/2020; cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ quy đổi bằng 12 tháng (01 năm) cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Bị cáo C. tham gia đặt cược 400.000 đồng là số tiền có giá trị nhỏ và các bị cáo khác không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung và giải tỏa lệnh kê biên tài sản cho bị cáo C..

Do có bị cáo thu nhập không đủ chi tiêu trong gia đình, các bị cáo làm thuê nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[6] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Lê Văn Gi., Lê Trọng Ngh., Danh L., Nguyễn Ngọc Út E., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K. (Cu Li), Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. (Mọi)** đã phạm tội “Đánh bạc”

1- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Văn Gi.** 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2020.

2- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lê Trọng Ngh.** 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2020.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Út E.** 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2020.

3- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Danh L.** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ vào thời gian chấp hành hình phạt, bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh TN, được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

4- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trần Công Th.** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T.** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo **Mai Phước C.** 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn K. (Cu Li)** 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, thị xã HT, tỉnh TN được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh T.** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; khấu trừ 04 tháng tạm giữ, tạm giam bằng 01 năm cải tạo không giam giữ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; ghi nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo **Trần Tiết B. (Mọi)** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Trần Tiết B. cho Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã HT, tỉnh TN để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Danh L. cho Ủy ban nhân dân phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh TN để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Long Hoa trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn K. cho Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, thị xã HT, tỉnh TN để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trường Tây trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Danh L., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B.

5- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

\* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 9.505.000 đồng (chín triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, màu xanh, biển số 70K3-4883 (dán t.E. loại Wave, màu xanh-đen), số máy: VLK251P50FMH00017036, số khung: VLKPCH022LK017036, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu trắng số Imei1:864312037200957, số Imei2: 864312037261579 đã qua sử dụng.

\* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 thùng nhựa hình trụ, đường kính 17,5 cm, cao 12 cm, xung quanh có quần băng keo màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 đĩa kim loại hình tròn đường kính 25 cm, đã qua sử dụng.

- 05 tấm giấy hình chữ nhật chiều ngang 42 cm, chiều dài 60 cm có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà.

- 18 hộp giấy hình lập phương có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà.

\* Trả lại cho:

- Bị cáo Lê Văn Gi. 01 xe mô tô loại Exciter màu đỏ đen, biển số 70K1-475.34, số máy: 1S94-065783, số khung: RLCE1S940AY065779, đã qua sử dụng.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Út E. số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen-bạc-cam, số Imei1: 358460088142041, số Imei2: 358460088142058, đã qua sử dụng.

- Bị cáo Trần Công Th. số tiền 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm ngàn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, số Imei1: 356458/09/385882/7, số Imei2: 356459/09/385882/5 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô loại Sirius màu trắng đen, biển số 60B6-218.15, số máy: 5C6K072261, số khung: RLCS5C6K0DY072252, đã qua sử dụng.

- Bị cáo Mai Phước C. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, số Imei1: 359752/07/246441/8, số Imei2: 359753/07/246441/6, đã qua sử dụng.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn K. số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng, số Imei1: 356005085504719 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đồng, model: A1687FCCIDBCG-E2944AIC:579C-E2944A đã qua sử dụng; 01 xe mô tô loại Dream, màu nâu, biển số 70B1-785.85, số khung MG100\*2013534\*, số máy: LC150FMG\*0708418\* đã qua sử dụng.

- Bị cáo Phạm Minh T. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh-đen, số Imei1: 358176/10/696520/1, số Imei2: 358177/10/696520/9, đã qua sử dụng.

- Bị cáo Danh L. số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm ngàn đồng); 01 điện thoại Iphone màu trắng, model: A1549FCCIDBCG-E2816AIC:579C-E2816A, số Imei: 358375062174168, đã qua sử dụng.

- Bị cáo Huỳnh Thanh T. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, số Imei1: 353298/08/918079/1, số Imei2: 353299/08/918079/9, đã qua sử dụng.

6- Giải tỏa Lệnh kê biên tài sản số: 08/L ngày 18/5/ 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã HT, tỉnh TN đối với bị cáo Mai Phước C..

#### 7- Án phí:

Các bị cáo Lê Văn Gi., Lê Trọng Ngh., Danh L., Nguyễn Ngọc Út E., Trần Công Th., Phạm Minh T., Mai Phước C., Nguyễn Tuấn K., Huỳnh Thanh T., Trần Tiết B. mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- TAND tỉnh TN.
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TN;
- VKSND thị xã HT.
- CCTHADS thị xã HT.
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo.
- THA phạt tù.
- Lưu.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**LÂM TẤN NHÀN**